TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – AN GIANG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: **119**/2026/HNGĐ-ST*
Ngày: 18/6/2026
V/v:"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2. Ông **Nguyễn Thành Thái**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026, về việc: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 76/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 78/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị ML**, sinh năm 1983

Hộ khẩu thường trú: Tổ 5, ấp K3, xã TĐ, tỉnh A..

Địa chỉ hiện nay: Số 12135 96 St NW Edmonton AB T5G1V9 – CANADA.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Quang Đ,** sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ 5, ấp K3, xã TĐ, tỉnh A.

(Bà Trần Thị ML có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Quang Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2025 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị ML trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Quang Đ chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau từ trước, hôn nhân tự nguyện, không bị ép buộc. Trong thời gian chung sống bà và ông Đ có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Đ1, sinh ngày 31/10/2008; Nguyễn BA sinh ngày 21/7/2013 và Nguyễn Phúc L, sinh ngày 08/9/2015. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Sau khi chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ cờ bạc, chơi số đề, cá độ đá banh, đi chơi nhiều và thường xuyên đánh đập, đuổi bà ra khỏi nhà lúc bà còn ở Việt Nam. Đến tháng 5/2023 khi ra nước ngoài, lúc đầu vợ chồng bà cãi nhau, sau thì ông Đ bạo hành gia đình, dùng dao đe doạ đến tính mạng của bà nên bị cảnh sát bắt, trong khi chờ Toà án xét xử thì ông Đ bỏ trốn về Việt Nam từ khoảng tháng 10/2024, do đó ông bà đã ly thân từ tháng 10/2024 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà cảm thấy không hạnh phúc khi chung sống với nhau, nên bà khởi kiện và có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quang Đ

- Về con chung: Yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng các con tên Nguyễn Ngọc Đ1, sinh ngày 31/10/2008; Nguyễn BA, sinh ngày 21/7/2013 và Nguyễn Phúc L, sinh ngày 08/9/2015, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Bị đơn ông Nguyễn Quang Đ** đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các thủ tục đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng ông Nguyễn Quang Đ vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

**** Tại Biên bản xác minh ngày 23/3/2026 đối với Ban Lãnh Đạo ấp K3, xã TĐ, tỉnh A:***

Ban lãnh đạo ấp Kênh 3A, xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang xác nhận ông Nguyễn Quang Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp K3, xã TĐ, tỉnh A và hiện tại đương sự vắng mặt tại nơi cư trú do sáng đi làm đến tối mới về nhà. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không biết do các đương sự không trình báo chính quyền địa phương.

**** Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 05/11/2025 cháu Nguyễn Ngọc Đ1 trình bày:*** Nay cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu muốn được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

**** Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 05/11/2025 cháu Nguyễn BA trình bày:*** Nay cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu muốn được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

**** Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 05/11/2025 cháu Nguyễn Phúc L trình bày:*** Nay cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu muốn được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị ML yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Quang Đ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*. Bị đơn ông Nguyễn Quang Đ có nơi cư trú tại ấp K3, xã TĐ, tỉnh A nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao. Bà Trần Thị ML có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với ông Nguyễn Quang Đ thì Toà án đã làm đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không lý do và chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị ML. Do đó căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị ML và ông Nguyễn Quang Đ xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã TH A, huyện TH, tỉnh K do đó quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị ML và ông Nguyễn Quang Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị ML yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quang Đ: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Trần Thị ML xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên sau đó có nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống. Mặc dù bà đã nhiều lần cố gắng giải quyết những bất đồng, những mâu thuẫn phát sinh, song vẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Mặc dù Tòa án đã mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên bà Trần Thị ML và ông Nguyễn Quang Đ hàn gắn đoàn tụ nhưng hòa giải không thành, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để ông Nguyễn Quang Đ có mặt tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Quang Đ vắng mặt, đồng thời bà Trần Thị ML cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quang Đoán. Hội đồng xét xử thấy rằng bà Trần Thị ML không còn tự nguyện chung sống với ông Nguyễn Quang Đ nữa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị ML về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Quang Đ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Bà L xác nhận trong thời gian chung sống bà L và ông Đ có 03 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đ1, sinh ngày 31/10/2008; cháu Nguyễn BA, sinh ngày 21/7/2013 và cháu Nguyễn Phúc L, sinh ngày 08/9/2015, hiện nay các cháu đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ1, cháu BA cháu L và bà ML không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ sau khi ly thân đến nay bà Trần Thị ML là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 cháu, đồng thời cả 03 cháu đều có cùng nguyện vọng được mẹ là bà ML tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Đ1, cháu A, cháu Lộc cho bà ML tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sống của 03 cháu, là phù hợp với nguyện vọng của 03 cháu và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Về việc cấp dưỡng nuôi con: do bà L tự nguyện không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị ML xác định trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung và cam kết là không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập ông Nguyễn Quang Đ đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Nguyễn Quang Đ vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án không tiến hành hoà giải, không tiến hành đối chất được về tài sản chung và nợ chung giữa bà Trần Thị ML và ông Nguyễn Quang Đ. Do đó, về tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị ML về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với ông Nguyễn Quang Đ

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị ML là nguyên đơn trong vụ án nên bà Trần Thị ML phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị ML về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" với ông Nguyễn Quang Đ.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị ML được ly hôn với ông Nguyễn Quang Đ.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Ngọc Đ1, sinh ngày 31/10/2008; Nguyễn BA, sinh ngày 21/7/2013 và Nguyễn Phúc L, sinh ngày 08/9/2015 cho bà Trần Thị ML trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do bà Trần Thị ML tự nguyện không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Quang Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị ML xác định không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị ML phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 300306 ngày 22/01/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh A, bà ML không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSND khu vực 3 – An Giang;*
- *THADS tỉnh An Giang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Danh Phạm Ngọc Khánh